

Bản án số: 31/2023/HS-ST

Ngày: 23- 5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Mai

Bà Trần Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2023/TLST- HS ngày 14 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 05 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ - sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn P và bà: Lê Thị M; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố S. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1. Anh Lê Văn T – sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Văn T1 – sinh năm 1993;

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Lê Trọng T2 – sinh năm 1993;

Địa chỉ: Khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: 1. Anh Lê Văn V – sinh năm 1996;

Địa chỉ: Khu phố B, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Lê Văn T3 – sinh năm 1994;

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Lê Văn C – sinh năm 1955;

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị Lê Mai Q - sinh năm 1986;

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 15 phút ngày 25/11/2022, tại phòng ngủ tầng 2 nhà ở của Lê Văn Đ ở tổ dân phố T, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Tổ công tác Công an thành phố S phát hiện 05 đối tượng nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Lê Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Lê Văn V, Lê Văn T, Lê Trọng T2. Thu giữ: Trên mặt sàn dưới chân bàn 01 đoạn ống nhựa dài khoảng 41cm (dạng điều cày tự chế), đường kính 3,4cm (niêm phong ký hiệu M1), trên mặt bàn 01 mảnh giấy bạc bám dính chất màu đen (Niêm phong ký hiệu M2), 01 mảnh giấy bạc chưa qua sử dụng và 01 bật lửa ga (Niêm phong ký hiệu M3). Các đối tượng thừa nhận sử dụng ma túy, tự lấy mẫu nước tiểu cho vào chai nhựa có nắp màu xanh ghi rõ tên, địa chỉ tất cả đựng trong hộp giấy (Niêm phong ký hiệu T). Thu giữ: 01 điện thoại S (niêm phong ký hiệu M4), 01 điện thoại Nokia 105 (Niêm phong ký hiệu M5) và số tiền 650.000 đồng (niêm phong ký hiệu M6) của Lê Văn Đ; 01 điện thoại Iphone 6 plus của Nguyễn Văn T1 (niêm Phong ký hiệu M7); 01 điện thoại OPPO F9 của Lê Trọng T2 (niêm phong ký hiệu M8); 01 điện thoại Iphone XS Max của Lê Văn T (niêm phong ký hiệu M9)

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn Đ ở tổ dân phố T, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa phát hiện thu giữ tại túi quần bỏ treo ở dây phơi quần áo tầng 2: 01 túi nilon chứa 32 viên nén hình tròn, đường kính khoảng 0,2cm (31 viên màu hồng và 01 viên màu xanh) niêm phong ký hiệu N.

Tại Bản kết luận giám định số 4221/KL-KTHS ngày 02/12/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Kết luận: Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Lê Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T, Lê Văn V, Lê trọng T4.

Tại Bản kết luận giám định số 4222/KL-KTHS ngày 02 tháng 12 năm 2022 của phòng K Công an tỉnh T. Kết luận:

+ Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine trong chất màu đen bám dính bên trong ống kim loại màu vàng niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định.

+ Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine trong chất lỏng màu vàng đựng trong ống nhựa niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định.

+ Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine trong trong chất lỏng màu đen bám dính trên mảnh giấy bạc của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định.

+ 01 viên nén màu xanh của phong bì niêm phong ký hiệu N gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,009g loại: Methamphetamine.

+ 31 viên nén màu hồng của phong bì niêm phong ký hiệu N gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,898g loại: Methamphetamine.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 25/11/2022, Lê Văn Đ cùng Nguyễn Văn T1 đang ở nhà Đ tại tổ dân phố T, phường T, thành phố S thì Lê Văn V đến và nói với Đ: “*chú còn hồng không? Lấy ra chơi*”, Đ đồng ý và lấy 05 viên ma túy hồng giấu trong túi quần bỏ treo ở dây phơi quần áo tầng 2. Sau đó, Đ đi vào phòng, lấy ra 02 viên hồng giấu rồi bỏ từng viên vào giấy bạc dùng bật lửa đốt, khói tỏa ra thì dùng điều cày tự chế hút số khói này. Sử dụng xong, Đ đưa cho V sử dụng. Lúc này, T1 nằm trên giường nên Đ lại nói với T1 là “*có chơi thì xuống mà chơi*”. T1 đi lại ngồi tự cầm điều còn Đ cầm bật lửa đốt ma túy cho T1 hút.

Khoảng 30 phút sau, Lê Văn T Thắng M1) đến phòng Đ chơi, Đ lấy thêm 02 viên hồng giấu ra để lên bàn, Đ cho hồng giấu vào giấy bạc rồi đốt cho Đ, V và T (muối) cùng sử dụng hết 02 viên hồng giấu. Đến khoảng 15 giờ 00 thì Lê Trọng T2 đến chơi nên Đ tiếp tục lấy 01 viên hồng giấu có sẵn trong túi quần đang mặc ra cho Đ, T2, V, T (muối) cùng sử dụng. Khoảng 30 phút sau công an vào kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, Lê Văn Đ khai nhận: Ngày 24/11/2022 Đ dùng số điện thoại 0353.464.387 gọi điện thoại đến số 0916.371.893 cho người tên T5 ở phường Đ, thành phố T mua 39 viên ma túy hồng giấu với giá 1.950.000 đồng. T5 đồng ý thì Đ chuyển từ tài khoản 55810000066131 ngân hàng B của Đ đến tài khoản 20222121999 ngân hàng V1 do thành đưa số tiền 4.950.000 đồng (gồm: 1.950.000 đồng tiền mua ma túy và 3.000.000 đồng nhờ T5 nạp vào G). Đến khoảng 22 giờ 00 phút ngày 24/11/2022, T5 hẹn Đ đến khu công nghiệp L, phường Q, thành phố T để giao dịch ma túy. Sau khi mua được ma túy, trên đường V nhắn tin qua mạng xã hội Zalo cho Lê Văn T và bán cho T 03 viên hồng giấu với giá 120.000 đồng/01 viên và 60.000 đồng tiền taxi. Lê Văn T đồng ý và dùng số tài khoản 0878950000 ngân hàng M2 chuyển tiền vào tài khoản 55810000066131 ngân hàng B của Đ 420.000 đồng. Khi gặp nhau, Đ chỉ đưa cho T 02 viên hồng giấu, thiếu 01 viên nên Đ hẹn hôm sau sẽ bù lại. T đồng ý. Số ma túy còn lại, Đ mang mang về chia nhỏ và cất giấu trong túi quần bỏ treo ở dây phơi quần áo tầng 2.

Cáo trạng số 32/Ctr-VKS-HS ngày 13/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS và tội “*Mua bán trái*

phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 55 BLHS

Đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối Lê Văn Đ từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, từ 30 đến 36 tháng tù về tội và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Đề nghị xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Số mẫu vật ma túy còn lại sau giám định gồm 31 viên nén màu hồng, 01 viên nén màu xanh, 01 mảnh giấy bạc đựng trong phong bì niêm phong dán kín; 01 đoạn ống nhựa dài khoảng 41cm, 01 mảnh giấy bạc, 01 bật lửa ga đựng trong hộp giấy bìa catton; Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại SamSung Galaxy A20S, 01 điện thoại N1; Đề nghị trả lại: cho Nguyễn Văn T1 01 điện thoại Iphone 6 Plus; cho Lê Trọng T2 01 điện thoại OPPO F9; cho Lê Văn T 01 điện thoại Iphone XS Max. Số tiền 650.000 đồng thu từ bị cáo Đ tiếp cần thiết quy trừ đảm bảo thi hành án. Ngoài ra buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc thu thập chứng cứ, ban hành các quyết định đúng quy định pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận vào trưa ngày 25/11/2022 tại địa điểm là gia đình của bị cáo ở tổ dân phố T, phường T, thành phố S bị cáo đã sử dụng và tổ chức cho các đối tượng Nguyễn Văn T1, Lê Trọng T2, Lê Văn T, Lê Văn V sử dụng trái phép chất ma túy, ma túy sử dụng là hồng phiến (loại Methamphetamine), lượng ma túy mà bị cáo sử dụng và tổ chức cho các đối tượng trên sử dụng là 05 viên hồng phiến. Đến khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Công an thành phố S phát hiện bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật. Ngoài ra cơ quan Công an thu giữ tại nhà của bị cáo 32 viên nén hồng phiến. Quá trình điều tra bị cáo khai nhận nguồn gốc số ma túy trên có được là do vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 24/11/2022, bị cáo lên thành phố T mua 39 viên ma túy dạng

hồng phiến, loại Methamphetamine với giá 1.950.000 đồng, khi đi về đến khu phố T, phường Q, thành phố S, bị cá đã bán 03 viên ma túy cho Lê Văn T với giá 120.000 đồng/viên, bị cáo lấy của T số 360.000 đồng (bị cáo mới đưa cho T 02 viên ma túy). Số ma túy còn lại 37 viên ma túy Đ mang về nhà chia nhỏ cất dấu sử dụng và ai mua thì bán kiếm lời

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người liên quan, tang vật chứng thu được cùng các tài liệu khác phản ánh tại hồ sơ. Dù cơ sở khẳng định Lê Văn Đ đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 255 BLHS và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS. Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng: Hành vi chủ động tụ tập để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy, tổ chức cho nhiều người cùng sử dụng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, làm mất an ninh, trật tự an toàn xã hội, xem thường kỷ cương pháp luật, hành vi của bị cáo không chỉ gây khó khăn cho việc kiểm soát chất ma túy của Nhà nước mà còn góp phần tạo ra lớp người nghiện, qua đó đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của nòi giống cũng như ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, ảnh hưởng xấu đến dư luận. Bị cáo nhận thức đầy đủ và hiểu rõ tác hại của ma túy, nhưng bất chấp sự nguy hiểm mà lao vào con đường phạm tội, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, căn cứ tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, cần áp dụng Điều 38 BLHS cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội cũng như đảm bảo công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có công việc ổn định, đang bị tạm giam nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

[6] Tang vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định và các vật chứng liên quan đến việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; Đối với số tiền và phương tiện là điện thoại mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội

cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với tài sản thu giữ trong vụ án không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho chủ sở hữu theo quy định pháp luật

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 BLHS

Điểm a, c khoản 2 ; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên bố: Bị Cáo Lê Văn Đ phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Xử phạt: L (bảy) tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/11/2022

Tang vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại SamSung Galaxy A20S, 01 điện thoại Nokia 105 và số tiền 360.000 đồng của Lê Văn Đ; Tịch thu tiêu hủy: Số mẫu vật ma túy còn lại sau giám định gồm 31 viên nén màu hồng, 01 viên nén màu xanh, 01 mảnh giấy bạc đựng trong phong bì niêm phong dán kín; 01 đoạn ống nhựa dài khoảng 41cm, 01 mảnh giấy bạc, 01 bật lửa ga đựng trong hộp giấy bìa catton;

Trả lại: Số tiền 290.000 đồng cho bị cáo Lê Văn Đ, 01 điện thoại Iphone 6 plus cho Nguyễn Văn T1; 01 điện thoại OPPO F9 cho Lê Trọng T2; 01 điện thoại Iphone XS Max cho Lê Văn T. Các vật chứng là tang vật của vụ án được tạm giữ và mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng số 40/BBVC-CCTHA ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

Về án phí: Bị cáo Lê Văn Đ phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo (phần liên quan tới mình) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Sầm Sơn;
- Thi hành án HS, DS TP. Sầm Sơn;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng